



Con chung: Có hai người con chung là Trần Thị Kỳ A sinh ngày 07/01 2000, Trần Thị K A sinh ngày 08/4/2003. Các con đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho ông Trần Ngọc K nhưng ông không có ý kiến.*

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống do thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm và đã ly thân với nhau. Điều đó cho thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông K. Do đó, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T là có cơ sở.

[2] Về con chung: Cháu K A và Kỳ A đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà T đã nộp tạm ứng án phí nên được miễn trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc K.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Bà Hữu Thị T và ông Trần Ngọc K được ly hôn.

[3] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 26/5/2022 bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014993 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Quốc Văn**